

Thứ ba, ngày 21 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/1/2020		•	
Tuần 20/1-24/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục đã tăng điểm tích cực trong cả hai phiên sáng và chiều. Nhờ lực đẩy từ nhóm cổ phiếu bluechips như VHM, VNM, GAS, BID, VPB, chỉ số đã thành công thử thách ngưỡng 983 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện nhẹ và nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua ròng là hai tín hiệu khả quan trong phiên hôm nay, trong bối cảnh phần lớn các TTCK lớn trong khu vực đều gặp sự điều chỉnh. Bên cạnh đó, danh mục rổ chỉ số VN30 với sự thêm mới hai cổ phiếu PLX, POW và loại bỏ DPM, GMD cũng được công bố trong ngày hôm nay.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/1/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí 3.4%. 20/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - với kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.4%**, con số này của VNINDEX là 0.8%.

Phân tích kỹ thuật: PLX_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **+7.74 điểm**, đóng cửa 986.37. HNX-Index **+0.95 điểm**, đóng cửa 105.59.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.45); VNM (+1.02); GAS (+0.85); BID (+0.82); VPB (+0.77)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.55); FPT (-0.36); BHN (-0.17); EIB(-0.10); PNJ (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,681 tỷ đồng**, **+26%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.55 điểm. Thị trường có 199 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 117 giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **16.86 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (31.92 tỷ), VNM (12.74 tỷ) và GAS (6.96 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.65 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

986.37

Giá trị: 2681.98 tỷ

7.74 (0.79%)

Khối ngoại (ròng): 16.86 tỷ

HNX-INDEX

105.59

Giá trị: 260.44 tỷ

0.95 (0.91%)

Khối ngoại (ròng): 2.65 tỷ

UPCOM-INDEX

55.96

Giá trị: 157.72 tỷ

0.47 (0.85%)

Khối ngoại(ròng): 35.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.0	-0.96%
Giá vàng	1,556	-0.33%
Tỷ giá USD/VND	23,171	
Tỷ giá EUR/VND	25,694	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,070	0.19%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	7.09%
LS TPCP 5 năm	1.9%	11.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	31.9	POW	21.8
VNM	12.7	DXG	12.5
GAS	6.9	NVL	11.1
STB	5.7	NT2	10.5
HDB	4.6	VRE	6.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **20/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - với kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.4%**, con số này của VNINDEX là 0.8%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Dầu khí	3.4%	2.4%	-1.4%	-5.7%	-13.0%	1.3%	17.4%	22.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.0%	5.6%	10.7%	5.1%	13.8%	21.5%	54.8%	19.6%
VN FinSelect	1.8%	4.8%	9.2%	3.7%	11.0%	17.3%	46.8%	18.0%
Ngân hàng	1.7%	5.7%	12.1%	9.5%	19.5%	32.3%	96.3%	22.1%
Nước & Năng lượng	1.3%	1.7%	-2.4%	-4.0%	-7.6%	4.8%	44.1%	14.3%
Lãi suất giảm	1.2%	2.1%	1.6%	-5.3%	-6.7%	2.3%	50.9%	17.8%
Xây dựng	1.1%	3.1%	-0.8%	-11.1%	-14.0%	-13.9%	19.0%	18.1%
FTSE Việt Nam	1.0%	1.3%	2.4%	-0.6%	-0.6%	10.1%	87.7%	14.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.9%	0.8%	2.1%	-1.5%	-2.4%	8.7%	77.7%	13.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.9%	2.8%	3.6%	-3.3%	1.6%	10.4%	57.9%	14.4%
VN Diamond	0.9%	3.4%	5.7%	-0.7%	11.3%	22.8%	72.4%	16.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.7%	2.8%	4.7%	-1.1%	9.7%	22.0%	76.9%	17.2%
BĐS & Khu công nghiệp	0.7%	-1.2%	-0.3%	-4.1%	-3.7%	6.3%	57.8%	16.3%
Hàng tiêu dùng	0.7%	1.7%	1.9%	-9.4%	-5.6%	4.8%	57.8%	17.3%
Chiến tranh thương mại	0.7%	-0.4%	-1.9%	-7.1%	-12.2%	2.3%	10.3%	15.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.6%	0.7%	0.2%	-4.2%	-11.9%	-6.8%	39.7%	21.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	1.9%	4.3%	-0.7%	4.9%	19.9%	85.6%	15.9%
Vật liệu Xây dựng	0.3%	1.8%	1.1%	-2.0%	-0.6%	13.2%	10.1%	18.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	2.6%	4.8%	0.9%	9.7%	35.5%	119.7%	18.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	1.0%	-1.3%	1.8%	-4.2%	14.1%	42.8%	14.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 9	2.1%	3.9%	5.1%	-0.6%	3.1%	13.6%	64.3%	15.3%
Danh mục 7	2.1%	3.1%	0.3%	-6.7%	-3.6%	5.4%	43.6%	15.5%
Danh mục 1	2.0%	4.0%	8.2%	4.9%	12.4%	23.5%	106.9%	15.7%
Danh mục 17	0.3%	2.1%	0.2%	-8.3%	-8.0%	18.9%	132.5%	18.8%
Danh mục 12	0.3%	1.6%	2.9%	1.6%	3.4%	24.0%	75.6%	18.4%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 21	1.2%	3.0%	4.7%	-0.1%	7.5%	22.0%	63.9%	15.6%
Danh mục 19	1.1%	0.8%	2.8%	-0.4%	7.1%	23.7%	62.1%	15.2%
Danh mục 23	0.9%	2.8%	0.3%	-5.5%	-7.3%	17.0%	84.3%	18.8%
Danh mục 24	0.3%	1.5%	1.5%	-3.9%	-3.4%	26.4%	91.6%	20.1%
Danh mục 25	0.3%	2.0%	1.9%	-4.5%	0.2%	28.6%	119.1%	17.7%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

INDEX								
VNINDEX	0.8%	2.0%	3.1%	-0.1%	-0.9%	9.4%	44.8%	15.3%
VN30INDEX	1.0%	2.5%	4.4%	-1.4%	1.8%	6.2%	41.8%	15.7%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

1/21/2020

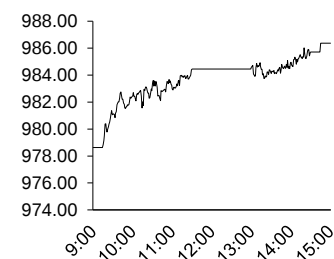
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	1.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.3%
Dịch vụ tài chính	1.3%
Tài nguyên Cơ bản	1.2%
Ô tô và phụ tùng	1.2%
Bán lẻ	1.2%
Ngân hàng	1.1%
Bảo hiểm	0.9%
Bất động sản	0.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%
Xây dựng và Vật liệu	0.5%
Du lịch và Giải trí	0.4%
Hóa chất	0.4%
Thực phẩm và đồ uống	0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%
Y tế	-0.5%
Truyền thông	-0.7%
Công nghệ Thông tin	-2.6%
Viễn thông	-3.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PLX_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PLX đang có dấu hiệu hồi phục khá tích cực sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 55.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt mức trung bình 20 phiên trong các phiên hồi phục gần nhất, cho thấy động lực tăng đang mạnh dần. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang bắt đầu cho thấy tín hiệu tích cực ủng hộ xu hướng tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế mua tại vùng giá 56-57, chốt lãi tại ngưỡng kháng cự cũ 60-62 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 21/1/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 21/1	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.77	0.34%	0.90%	-2.72%	8.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.28	-0.03%	1.60%	-0.33%	4.02%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.65	-0.48%	-0.98%	-3.97%	14.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1561.32	0.32%	0.93%	5.14%	22.07%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.08	0.61%	0.64%	3.56%	18.78%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	929.11	-0.19%	-1.17%	-1.54%	1.49%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	571.80	0.10%	1.83%	5.74%	10.63%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.01	0.12%	-0.12%	-12.27%	21.59%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	169.10	-3.32%	-4.57%	-2.98%	-16.00%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.45	0.14%	2.70%	7.59%	11.76%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.51	0.00%	-10.36%	0.40%	-19.29%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	112.15	-0.71%	-5.72%	-14.84%	8.51%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.84	-0.24%	-0.58%	1.10%	5.52%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3694.00	0.08%	-4.82%	0.16%	-0.51%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1805.00	-0.39%	-0.06%	1.58%	-2.54%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	96.00	0.52%	2.67%	4.35%	28.34%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.95	0.38%	-5.81%	4.34%	-28.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent tăng 35 US cent, tương đương 0.5%, lên 65.2 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 12 US cent vào cuối phiên (0.2%) lên 58.66 USD/thùng.
- Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong vòng hơn một tuần sau khi hai cơ sở sản xuất dầu lớn của Lybia bắt đầu ngừng hoạt động vì lý do chiến sự, gây nguy cơ làm co hẹp dòng chảy dầu từ quốc gia thành viên của OPEC này. Hai mỏ dầu lớn ở miền nam Lybia là Sharara và El Feel bắt đầu đóng cửa từ ngày 19/1/2020 sau khi lực lượng miền Đông của Tướng Khalifa Haftar đóng cửa một đường ống dẫn dầu từ các mỏ này và phong tỏa phần lớn các cảng chở dầu ở miền Đông Lybia Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Lybia (NOC) tuyên bố bất khả kháng trong việc vận chuyển dầu từ hai mỏ nói trên. Tuy nhiên, một số nhà phân tích cho rằng sự gián đoạn nguồn cung ở Lybia sẽ chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn và có thể được bù đắp bởi các nước sản xuất khác trong nhóm OPEC.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.2% lên 1,559.99 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 2/2020 ít thay đổi, ở mức 1,560.2 USD/ounce.
- Giá vàng cũng tăng lên mức cao nhất trong vòng hơn 1 tuần trong phiên vừa qua do nhu cầu mua mạnh khi Trung Đông gia tăng căng thẳng và Tổng thống Mỹ Donald Trump bị Thượng viện nước này triệu hồi tới phiên luận tội ông sẽ diễn ra vào ngày 21/1/2020.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Đại Liên tăng 0.5% lên 670 CNY (97.82 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tăng do lo ngại về nguồn cung trong khi triển vọng nhu cầu sẽ được cải thiện, mặc dù lượng giao dịch không nhiều trước kỳ nghỉ Tết dài ngày.
- Hãng khai thác quặng sắt lớn nhất thế giới, Vale (Brazil) đã tạm dừng hoạt động ở cơ sở Esperança vì lý do an toàn. Hãng Rio Tinto (Anh – Australia) thông báo khai thác trong quý 4/2019 cũng giảm do cháy rừng và thời tiết xấu.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cuộn tăng thêm 0.5% so với mức 3,592 CNY/tấn của phiên liền trước, trong khi giá thép cuộn cán nóng cao hơn 0.4% so với mức 3,628 CNY/tấn vào lúc đóng cửa của phiên liền trước. Giá thép tại Trung Quốc tăng phiên thứ 4 liên tiếp do triển vọng nhu cầu sẽ được cải thiện bởi các số liệu kinh tế vĩ mô của Trung Quốc tốt hơn dự kiến và Mỹ - Trung đã đạt được thỏa thuận thương mại Giai đoạn 1.

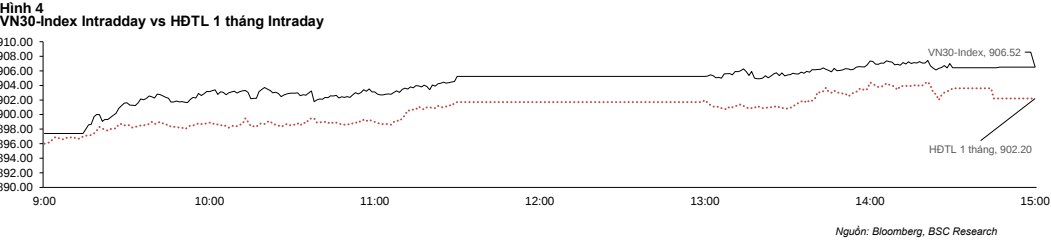
Giá nông sản

- Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 2.7 USD, tương đương 0.7% lên 401.5 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 11/2017 (khi đạt 404 USD/tấn). Giá đường trắng vừa lập kỷ lục cao nhất trong vòng 2 năm do các quỹ hàng hóa mua mạnh do có dấu hiệu cho thấy nguồn cung sẽ còn khan hiếm hơn nữa. Thiếu cung đường trên toàn cầu năm 2019/20 dự báo sẽ tăng lên do sản lượng sụt giảm ở những khu vực cung cấp quan trọng như Ấn Độ và Thái Lan. Tuy nhiên, giá cao có thể thúc đẩy Ấn Độ xuất khẩu lượng đường đang tích trữ trong kho ra thế giới, và Brazil cũng có thể nỗ lực tăng sản xuất đường.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 6/2020 trên sàn TOCOM giảm 4.8 JPY, tương đương 2.3%, xuống 201.4 JPY (1.83 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 280 CNY còn 12,895 CNY (1,879 USD)/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2002	902.20	0.59%	-4.32	5.1%	63328	2/20/2020	25
VN30F2003	900.20	0.41%	-6.32	30.5%	197	3/19/2020	53
VN30F2006	903.50	0.56%	-3.02	394.4%	89	6/18/2020	144
VN30F2009	905.10	n/a	-1.42	n/a	36	9/17/2020	235

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +9.12 điểm lên mức 906.52 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VNM, MBB, và HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng tích cực vượt mốc 900 điểm lên trên 905 điểm. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 có thể kiểm tra 911 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB1901	VND	3/5/2020	44	1:1	661,410	315.1%	2.0 triệu	22.00%	3,500	5,750	26.37%	4,356.30	1.32
CVNM1906	VND	3/5/2020	44	2:1	51,380	331.8%	1.0 triệu	17.81%	8,100	5,660	13.43%	177.90	31.82
CMBB1905	HSC	4/8/2020	78	2:1	197,610	651.1%	5.0 triệu	18.03%	1,700	950	11.76%	944.40	1.01
CVNM1903	SSI	4/22/2020	92	1:1	15,880	-14.5%	1.0 triệu	17.81%	26,600	15,340	11.48%	159.00	96.48
CMBB1903	SSI	4/22/2020	92	1:1	65,820	-52.3%	3.0 triệu	18.03%	4,000	2,490	11.16%	1,771.00	1.41
CTCB1902	VND	6/5/2020	136	1:1	398,180	1850.9%	2.0 triệu	21.44%	5,300	4,410	10.80%	3,572.00	1.23
CHDB2001	KIS	6/19/2020	150	2:1	40,290	265.3%	5.0 triệu	21.61%	2,000	2,440	9.42%	1,607.20	1.52
CVRE1903	KIS	5/15/2020	115	2:1	106,870	85.9%	4.0 triệu	22.37%	2,700	1,460	8.15%	202.60	7.21
CVHM1902	SSI	4/22/2020	92	1:1	31,420	66.7%	1.0 triệu	21.56%	18,600	10,530	7.23%	0.30	35,100.00
CREE1903	SSI	4/22/2020	92	1:1	25,010	103.3%	1.0 triệu	22.44%	7,600	4,850	6.59%	2,123.30	2.28
CHPG1909	KIS	5/15/2020	115	2:1	427,170	28.1%	5.0 triệu	24.98%	1,800	1,780	6.59%	4,513.30	0.39
CMWG1907	HSC	4/8/2020	78	10:1	279,470	208.8%	5.0 triệu	22.32%	1,900	1,000	6.38%	49.40	20.24
CHPG1907	SSI	4/22/2020	92	1:1	108,680	52.0%	1.0 triệu	24.98%	4,200	6,000	4.90%	4,352.30	1.38
CREE1905	MBS	6/17/2020	148	3:1	289,110	-6.9%	2.4 triệu	22.44%	2,150	2,050	3.54%	13.80	148.55
CVIC1902	SSI	4/22/2020	92	1:1	5,610	-31.6%	1.0 triệu	14.67%	22,700	12,100	0.92%	3,037.90	3.98
CVNM1905	MBS	4/28/2020	98	10:1	110,090	9.9%	1.5 triệu	17.81%	2,500	1,160	0.87%	19,885.60	0.06
CVJC1902	SSI	4/22/2020	92	1:1	7,900	-32.4%	1.0 triệu	13.69%	27,900	26,070	-3.62%	831.80	31.34
CFPT1908	MBS	6/17/2020	148	3:1	139,790	11.5%	2.4 triệu	21.20%	3,150	2,800	-8.20%	5,871.10	0.48
CFPT1905	SSI	4/22/2020	92	1:1	93,170	222.1%	1.0 triệu	21.20%	9,900	5,730	-14.22%	4,390.30	1.31
CFPT1906	HSC	4/8/2020	78	5:1	539,190	717.7%	5.0 triệu	21.20%	1,700	990	-18.18%	2,913.60	0.34
Tổng:					3,054,860		36.30 triệu	20.34%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/1/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CVPB1901 và CVNM1906 tăng mạnh nhất lần lượt là 26.37% và 13.43%. Trái lại, CFPT1906 và CFPT1905 giảm mạnh nhất lần lượt là -18.18% và -14.22%. Thanh khoản thị trường tăng 36.41%. CVPB1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.28% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, VJC và VRE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VNM bật tăng sau giai đoạn vận động tích lũy quanh vùng giá 116-120. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo kỹ thuật. Vận động tăng của VNM có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	23.55	4.67	2.43
TCB	24.05	3.00	2.19
VNM	121.00	1.68	1.38
MBB	22.55	2.50	1.06
HPG	25.85	1.37	0.80

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	55.5	-3.31	-1.42
EIB	17.5	-1.69	-0.43
SAB	233.0	-1.27	-0.29
PNJ	91.0	-1.09	-0.25
CTD	53.0	-0.93	-0.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB1901	21,500	18,000	23,550
CVNM1906	130,225	114,025	121,000
CMBB1905	26,400	23,000	22,550
CVNM1903	145,580	118,980	121,000
CMBB1903	26,000	22,000	22,550
CTCB1902	26,300	21,000	24,050
CHDB2001	33,099	29,099	28,950
CVRE1903	41,189	35,789	32,600
CVHM1902	103,600	85,000	87,500
CREE1903	43,600	36,000	37,300
CHPG1909	28,280	24,680	25,850
CMWG1907	144,000	125,000	120,000
CHPG1907	25,200	21,000	25,850
CREE1905	41,050	34,600	37,300
CVIC1902	137,700	115,000	114,900
CVNM1905	150,725	125,725	121,000
CVJC1902	157,900	130,000	147,000
CFPT1908	63,450	54,000	55,500
CFPT1905	64,900	55,000	55,500
CFPT1906	65,500	57,000	55,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	120.0	1.2%	0.8	2,365	3.6	8,321	14.4	4.7	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	91.0	-1.1%	1.0	891	2.5	5,327	17.1	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	65.9	0.8%	1.2	2,127	0.3	1,889	34.9	2.9	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.2	1.6%	0.7	324	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.9	0.0%	1.1	16,897	0.9	1,589	72.3	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.6	1.9%	1.1	3,221	1.3	1,033	31.6	2.7	33.0%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	0.0%	0.8	2,361	1.1	3,187	17.6	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	37.3	1.5%	1.1	503	1.5	5,614	6.6	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	12.9	-0.4%	1.4	293	0.9	3,215	4.0	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.3	0.0%	1.4	425	1.3	1,769	10.9	1.0	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.9	1.2%	1.0	207	0.1	4,231	6.8	1.3	36.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.0	1.6%	1.4	292	0.9	1,421	15.4	1.5	56.5%	10.2%
FPT	Công nghệ	55.5	-3.3%	0.9	1,637	10.7	4,688	11.8	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	44.0	4.8%	0.4	476	0.0	4,156	10.6	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	94.9	1.6%	1.6	7,897	0.7	6,096	15.6	4.0	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.9	1.6%	1.5	2,946	1.5	3,467	16.4	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.3	2.8%	1.6	380	2.5	2,062	8.9	0.7	21.4%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.5	13.3%	0.8	1,146	3.5	1,163	7.3	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	88.3	-0.1%	0.6	502	0.2	4,535	19.5	3.6	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.7	0.4%	0.7	215	0.1	650	19.5	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	0.7%	0.6	137	0.0	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	94.0	0.0%	1.2	15,158	3.1	5,274	17.8	4.3	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	54.0	1.3%	1.5	9,443	1.4	2,109	25.6	3.3	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.3	0.8%	1.6	4,096	6.7	1,641	15.4	1.3	29.7%	8.5%
VPB	Ngân hàng	23.6	4.7%	1.2	2,496	5.4	3,379	7.0	1.4	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.6	2.5%	1.1	2,280	5.1	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.5	0.8%	1.1	1,765	1.9	3,585	6.8	1.6	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	45.4	0.0%	0.8	162	0.0	5,073	8.9	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.8	-0.3%	0.3	136	0.1	4,167	7.6	1.2	20.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.7%	1.2	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.9	1.4%	0.9	3,103	6.6	2,526	10.2	1.6	38.4%	17.4%
HSG	Thép	8.6	3.0%	1.7	157	1.5	890	9.6	0.7	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	121.0	1.7%	0.7	9,161	4.5	5,527	21.9	7.7	58.7%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.0	-1.3%	0.8	6,496	0.5	7,365	31.6	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	54.5	0.4%	1.1	2,770	0.9	4,512	12.1	1.9	39.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	-0.3%	0.6	471	1.0	440	42.0	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	69.9	-1.4%	0.8	6,616	0.2	2,630	26.6	5.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	147.0	0.0%	1.1	3,348	2.4	9,850	14.9	5.7	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.8	1.9%	1.7	2,020	0.3	1,747	18.7	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	21.4	0.5%	0.8	276	0.4	1,949	11.0	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	14.9	-0.7%	0.6	182	0.4	2,571	5.8	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.5	2.4%	1.1	470	0.7	8,824	7.6	3.1	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-0.6%	0.8	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	-0.3%	0.9	247	0.0	1,912	7.8	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	53.0	-0.9%	0.9	176	0.3	8,859	6.0	0.5	47.2%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.8	0.0%	1.1	495	0.2	1,557	16.6	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	25.9	-0.4%	0.4	279	0.2	1,845	14.0	1.2	51.2%	8.8%
POW	Điện	10.9	1.9%	0.6	1,110	1.4	820	13.3	1.0	13.5%	7.8%
NT2	Điện	18.8	1.9%	0.6	235	0.1	2,577	7.3	1.3	18.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	87.50	1.74	1.46	653680.00
VNM	121.00	1.68	1.02	853940.00
GAS	94.90	1.61	0.84	180960.00
BID	54.00	1.31	0.82	609600.00
VPB	23.55	4.67	0.75	5.35MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.50	0.82	0.33	1.77MLN
SHB	7.40	2.78	0.22	3.92MLN
PVS	18.30	2.81	0.12	3.20MLN
VCS	67.50	2.43	0.05	250400.00
INN	31.40	8.28	0.03	4000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	233.00	-1.27	-0.56	52160.00
FPT	55.50	-3.31	-0.38	4.35MLN
BHN	71.00	-3.92	-0.20	10.00
EIB	17.50	-1.69	-0.11	34150.00
PNJ	91.00	-1.09	-0.07	622420.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMV	19.20	-9.86	-0.07	110300.00
TVC	20.00	-2.44	-0.02	117300.00
SHS	7.40	-1.33	-0.01	544700.00
SEB	33.00	-7.56	-0.01	200.00
PCG	14.80	-9.20	-0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAI	2.61	6.97	0.01	2.61MLN
CLW	24.60	6.96	0.01	10.00
GAB	36.15	6.95	0.01	33400.00
HRC	47.05	6.93	0.03	20.00
SVI	72.80	6.90	0.02	3530.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	735900.00
DST	1.00	11.1	0.00	217700.00
CKV	17.70	9.9	0.00	500.00
STC	16.60	9.9	0.00	200.00
SRA	7.80	9.9	0.01	70800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	16.80	-16.00	-0.01	780.00
AGF	4.28	-6.96	0.00	1120.00
DPG	30.25	-6.92	-0.03	455010.00
VRC	6.20	-6.91	-0.01	37350.00
RIC	5.56	-6.87	0.00	50.00

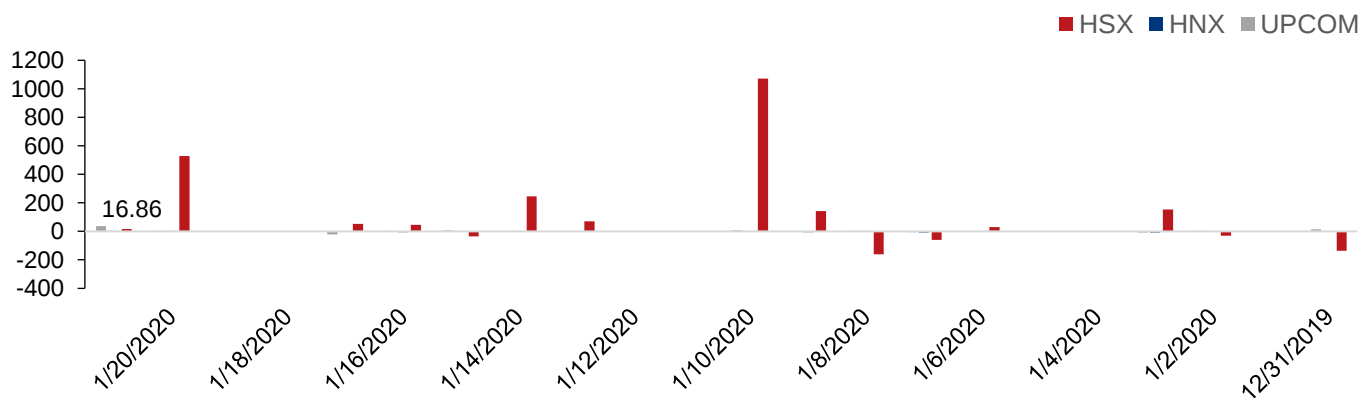
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	171700.00
GDW	26.40	-9.90	0.00	100.00
LM7	7.30	-9.88	0.00	100.00
AMV	19.20	-9.86	-0.07	110300.00
PCG	14.80	-9.20	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.0	5,020	5.4	1.2	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	91.0	5,327	17.1	4.5	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	14.9	2,571	5.8	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	160.2	29,035	5.5	4.4	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.8	0	13.9	0.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	120.0	8,321	14.4	4.7	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.5	3,585	6.8	1.6	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.6	2,692	4.7	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	24.1	2,660	9.0	1.4	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	114.8	6,216	18.5	7.0	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	94.0	5,274	17.8	4.3	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.0	9,530	3.1	1.6	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	55.5	4,688	11.8	2.8	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	25.8	3,897	6.6	1.2	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	18.3	2,246	8.1	0.9	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.1	2,846	11.3	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	54.5	4,512	12.1	1.9	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	121.0	5,527	21.9	7.7	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.5	2,887	7.4	1.5	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	37.3	5,614	6.6	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn